TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 98/2021/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 26 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Phan Đ H** - Sinh năm: 1979
HKTT: 1xxA NQ, ST, Ba Đình, thành phố Hà Nội;
Nơi ở hiện tại: Pxxx P2 Ciputra, XĐ, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Chị Bùi T M** - Sinh năm: 1973
Địa chỉ: 11 lô C khu TĐC 2/8 ĐC, LG, Ba Đình, thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2021;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I.Công nhận thuận tình ly hôn giữa:
ông Phan Đ H và bà Bùi T M

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về con chung**:

Ông Phan Đ H và bà Bùi T M có 01 con chung là cháu Phan Đ A, sinh ngày 29/09/2010.

Ông H và bà M cùng thỏa thuận giao con chung là Phan Đ A cho bà Bùi T Mai trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Phan Đ A đủ 18 tuổi

hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông H và bà M tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị xem xét ghi nhận.

Ông Phan Đ H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con các ngày thứ 7, chủ nhật trong tuần.

Ông Phan Đ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom gặp gỡ con chung, không ai được cản trở.

2. **Về tài sản chung và công nợ chung**:

Ông Phan Đ H và bà Bùi T M đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân (theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 23/02/2021 tại Công ty Luật TNHH KP đã xuất trình cùng hồ sơ vụ ly hôn) cụ thể nội dung thỏa thuận như sau:

" Ông Phan Đ H và bà Bùi T M xác nhận trong thời kỳ hôn nhân đã tạo dựng các tài sản(bao gồm tài sản và các khoản nợ).

ĐIỀU 1

TÀI SẢN CHUNG

I. TÀI SẢN:

1. Tài sản 1:

Là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Axx-LK11, Khu nhà ở PT, phường Phú Thịnh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ333918, số vào sổ cấp GCN: CS06915 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/02/2019, mang tên ông PHAN Đ H và bà BÙI T M.

2. Tài sản 2:

Là quyền sở hữu và sử dụng sàn văn phòng địa chỉ: Sàn văn phòng số 1xxx, Dự án tổ hợp nhà ở để bán kết hợp Văn phòng và Dịch vụ thương mại (VIWAxxx TRUNG VĂN), số 48 TH, phường TV, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA987916, số vào sổ cấp GCN: CS12182 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/02/2021, mang tên ông PHAN Đ H và bà BÙI T M.

3. Tài sản 3:

Là quyền sở hữu và sử dụng căn hộ chung cư tại địa chỉ: Căn hộ số 1xxx tại tầng 10, Tòa nhà S2.02 có địa chỉ tại phường TM và ĐM quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thuộc Dự án Khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park

(Vinhomes Smart City) theo Hợp đồng mua bán căn hộ số: S2.021003/VHSC/HĐMBCH, ngày 01/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TS và Ông Tạ T L và Văn bản Chuyển nhượng Hợp đồng mua bán Căn Hộ số 08002.2019/VBCN, quyển số: 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2019 của Văn phòng Công chứng An Nhất Nam, thành phố Hà Nội giữa Bên chuyển nhượng là ông TẠ T L và Bên nhận chuyển nhượng là ông PHAN Đ H.

4. Tài sản 4

Là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Phường ĐK, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ432990, số vào sổ cấp GCN: CS01850 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 18/05/2020, mang tên ông PHAN Đ H và bà BÙI T M.

5. Tài sản 5:

Là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Số xx, ngõ xx, phố ĐQ, tổ 14, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN754163, số vào sổ cấp GCN: CS-CG06554 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/09/2018, mang tên ông PHAN Đ H và bà BÙI T M.

6. Tài sản 6:

Là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Căn hộ MG1-xx (Ô đất SH10-xx) lô SH-xx, đất ở kết hợp DVTM (Shophouse) khu dịch vụ Cao cấp BĐ, Phường HG, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO233195, số vào sổ cấp GCN: CH28983 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long cấp ngày 31/01/2019, mang tên ông PHAN Đ H và bà BÙI T M.

7. Tài sản 7:

Là quyền sở hữu và sử dụng căn hộ chung cư tại địa chỉ: Căn hộ chung cư số 1xxx, Dự án Tòa nhà FLC Complex, số 36 PH, phường MĐ 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CR155690, số vào sổ cấp GCN: CS09191 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/03/2019, Mang tên ông PHAN Đ H và bà BÙI T M.

8. Tài sản 8:

Là quyền sở hữu và sử dụng căn hộ chung cư tại địa chỉ: Căn hộ chung cư số 9xx, Tòa nhà P0x, Khu đô thị NTL, phường XĐ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE022843, số vào sổ cấp GCN: CS18543 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/07/2016, mang tên ông PHAN Đ H và bà BÙI T M.

9. Tài sản 9:

Tên Công ty: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CSSKCĐ

Địa chỉ: Số 68, ngõ 2 GV, Phường CL, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 5700547245

Người đại diện theo pháp luật: Bà BÙI T M

10. Tài sản 10:

Là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu dân cư N4+N5 phía đông bãi tắm BD, CP, Quảng Ninh; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE463469, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sửu dụng đất: H1108 do Ủy ban nhân dân thị xã CP cấp ngày 09/11/2006, mang tên ông LÝ V H.

Ngày 16 tháng 08 năm 2018, ông LÝ V H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông PHAN Đ H, CMND số 111429761 cùng vợ là bà BÙI T M, CMND số 022173000034, địa chỉ: Nhà số 11, lô C khu TĐC 218 ĐC, LG, Ba Đình, Hà Nội theo hồ sơ số 1798.

11. Tài sản 11:

Là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có Mã căn hộ VB.L4.xx tại địa chỉ: Lô số xx, Block L4, Khu VBDự án Khu Nhà nghỉ và Dịch vụ XT ("HT Paradise"), địa chỉ tại xã XT, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

12. Tài sản 12:

Tên CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM MH

Địa chỉ: Tầng 6, số xx, ngõ xx Phố TQD, Phường ÔCD, Quận Đống Đa, Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0107805695

Người đại diện theo pháp luật: Bà BÙI T M

II. CÁC KHOẢN NỢ (Đến ngày 23/02/2021):

STT	*TÊN NGÂN HÀNG*	*DƯ NỢ*	*CHỦ KHOẢN VAY*

1	*Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*	*3.472.000.000VNĐ*	*Bùi T M*
2	*Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – CN tỉnh Quảng Ninh*	*3.914.000.000VNĐ*	*Bùi T M*
4	*Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hai Bà Trưng*	*60.000.000VNĐ*	*Bùi T M*
5	*Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt*	*30.000.000VNĐ*	*Bùi T M*
6	*Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam- CN Thăng Long*	*2.644.000.000VNĐ*	*Phan Đ H*
7	*Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội*	*3.947.000.000VNĐ*	*Phan Đ H*

ĐIỀU 2
PHÂN CHIA TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG

Nay, vợ chồng chúng tôi thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung quy định tại Điều 1 trên như sau:

I- Quyền :

1. Quyền tài sản (Quyền quản lý; quyền sử dụng, quyền định đoạt) đối với các tài sản thuộc điểm 1 đến điểm 3 Mục I Điều 1 thuộc về ông PHAN Đ H

2. Quyền tài sản (Quyền quản lý; quyền sử dụng, quyền định đoạt) đối với các tài sản thuộc điểm 4 đến điểm 12 Mục I Điều 1 thuộc về bà BÙI T M.

II. Nghĩa vụ:

1. Các nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản nợ thuộc Mục II Điều 1, Bà BÙI T M tự chịu trách nhiệm của bên thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng.

2. Nghĩa vụ chuyển tên đổi chủ sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với từng bất động sản, các bên được nhận tài sản tự chịu trách nhiệm pháp luật trước cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục theo đúng quy định.".

Ông Phan Đ H và bà Bùi T M cam kết ngoài những tài sản trên (bao gồm các tài sản và các khoản nợ) trong thời kỳ hôn nhân ông Huy và bà Mai không còn tài sản chung nào khác.

3. Về án phí: Bà Bùi T M tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp. Bà M được trả lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 1215 ngày 08/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Bà Bùi T M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Liễu Giai, quận Ba Đình ,TP Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nguyệt